

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 489/QĐ-ĐHTD, ngày 08 tháng 9 năm 2016 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

Tên chương trình : **Cử nhân Kế toán tổng hợp**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **KẾ TOÁN**
Mã ngành : **52340301**
Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt; Nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội, quản trị kinh doanh, qui trình công nghệ kế toán, kiểm toán, phân tích hoạt động kinh doanh; Có khả năng hoàn thiện và hoạch định chính sách, chế độ kế toán, kiểm toán.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2.1 Kiến thức:

- Nắm được kiến thức cơ bản và nâng cao về Kế toán tài chính, Kế toán kiểm toán trong các loại hình doanh nghiệp, ngân hàng và cơ quan hành chính sự nghiệp.
- Nắm vững về pháp luật kế toán hiện hành (luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán).
- Nắm vững những nguyên lý và nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kế toán, bao gồm kế toán quản trị, kế toán tài chính, kiểm toán, đối chiếu kế toán Việt Nam và kế toán quốc tế; về thống kê, phân tích, đánh giá các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; có kiến thức cơ bản, kỹ năng xử lý độc lập và thực hành về các phần hành của kế toán gồm các quá trình sản xuất, kinh doanh như từ kế toán tiền, nguyên vật liệu, tài sản cố định, lương, thuế, các khoản thanh toán, giá thành, tiêu thụ, đầu tư tài chính, xác định kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế.

1.2.2 Về kỹ năng:

– Biết cách tổ chức công tác kế toán, bao gồm tổ chức và xây dựng bộ máy kế toán, vận dụng hình thức kế toán, hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và cung cấp thông tin thông qua hệ thống báo cáo kế toán.

– Có năng lực thực hành thành thạo các nghiệp vụ cơ bản của kế toán viên như thực hiện thành thạo các phần hành kế toán cơ bản, từ lập chứng từ, ghi sổ kế toán đến lập các báo cáo kế toán và báo cáo thuế,... để có thể làm việc được ngay sau khi tốt nghiệp.

– Có khả năng làm việc độc lập khi được phân công nhiệm vụ. Biết vận dụng một cách sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.

– Có khả năng tự học, từ rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn.

– Biết thu thập, tổng hợp và phân tích các dữ liệu để phục vụ việc khai thác, thực hành nghiệp vụ kế toán.

– Ngoài việc thành thạo phần mềm kế toán AcSoft hoặc Misa, sinh viên còn có thể làm quen rất nhanh với bất cứ phần mềm kế toán nào khác vì được trang bị kiến thức nền về nguyên tắc hoạt động của phần mềm kế toán.

1.2.3 Về triển vọng việc làm:

Sinh viên có thể làm kế toán, kiểm toán, kiểm soát nội bộ, thiết lập thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xuất nhập khẩu, xây lắp, nông nghiệp, ngân hàng, công ty chứng khoán, tổ chức tín dụng, cơ quan quản lý nhà nước về thuế, tài chính, công ty kiểm toán, tư vấn tài chính kế toán và thuế, và các đơn vị kinh tế khác,...

2. Thời gian đào tạo: 04 năm (08 học kỳ; 02 học kỳ/năm)

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 150 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

5.1 Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

5.2 Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần quy định theo chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường.

6. Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

7. Nội dung chương trình đào tạo: 139 tín chỉ

+ Kiến thức giáo dục đại cương	35
(chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	
+ Kiến thức cơ sở ngành	35
▪ Bắt buộc	31
▪ Tự chọn	4
+ Kiến thức chuyên ngành	57
▪ Bắt buộc	48
▪ Tự chọn	9
Thực hiện chuyên đề, thi tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp	12

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương

35 tín chỉ

Số TT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	HP tiên quyết
1		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 1	2	
2		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 2	3	
3		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
4		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5		Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	
6		Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	
7		Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	4	
8		Toán cao cấp	4	
9		Tin học căn bản	4	
10		Xác suất thống kê	3	
11		Pháp luật đại cương	2	
		Tổng cộng	35	

7.2 Kiến thức cơ sở ngành

35 TC

STT		Tên môn học	Tín chỉ	HP tiên quyết
Học phần bắt buộc		31 tín chỉ		
1		Luật kinh tế	2	
2		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
3		Kinh tế vi mô	3	
4		Kinh tế vĩ mô	3	
5		Nguyên lý thống kê kinh tế	3	

STT	Tên môn học	Tín chỉ	HP tiên quyết
6	Nguyên lý kế toán	3	
7	Kinh tế lượng	3	
8	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3	
9	Quản trị học căn bản	3	
10	Toán kinh tế	3	
11	Quản trị tài chính	3	
Học phần tự chọn		4 tín chỉ	
1	Giao tiếp kinh doanh	2	
2	Thương mại điện tử	2	
3	Lý thuyết bảo hiểm	2	
4	Marketing căn bản	2	
5	Kinh tế quốc tế	2	
6	Thanh toán quốc tế	2	
Tổng cộng		35	

7.3 Kiến thức chuyên ngành Kế toán

57 tín chỉ

STT	Tên môn học	Tín chỉ	HP tiên quyết
Học phần bắt buộc		48 tín chỉ	
1	Tổ chức công tác kế toán	2	
2	Đạo đức ngành kế toán	2	
3	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	2	
4	Kế toán công	3	
5	Kế toán tài chính 1	3	
6	Kế toán tài chính 2	3	
7	Kế toán chi phí	3	
8	Kiểm toán 1	3	
9	Kế toán quản trị	3	
10	Hệ thống thông tin kế toán 1	3	
11	Hệ thống thông tin kế toán 2	3	
12	Thuế và thực hành khai báo thuế	3	

STT	Tên môn học	Tín chỉ	HP tiên quyết
13	Phân tích tài chính (***)	3	
14	Quản trị rủi ro tài chính	3	
15	Tin học ứng dụng kế toán (**)	3	
16	Chuyên đề kế toán (*) (3,5 TC thực hành kế toán + 2,5 TC thuế)	6	
Tổng cộng		48	
Học phần tự chọn		9 tín chỉ	
1	Nghiệp vụ ngoại thương	3	
2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	3	
3	Kế toán doanh nghiệp dịch vụ	3	
4	Kế toán ngân hàng thương mại	3	
5	Kế toán xây dựng và dự án đầu tư	3	
6	Kế toán quốc tế	3	
7	Tài chính doanh nghiệp	3	
8	Kiểm toán 2	3	
9	Lập mô phỏng kế hoạch tài chính DN	3	
10	Phân tích và thẩm định dự án	3	
11	Thị trường tài chính	3	
12	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	

7.4 Thực hiện khóa luận tốt nghiệp

12 tín chỉ

STT	Hình thức	Tín chỉ
Loại hình 1	Thực tập và báo cáo khóa luận tốt nghiệp	12
Loại hình 2	Thực tập, nộp chuyên đề tốt nghiệp và học môn thay thế	12
	Công:	<u>12</u>

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

8.1 Học kỳ 1

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Những nguyên lý cơ bản của CN-ML1	2	30	2	30		
2	Toán cao cấp	4	60	3	45	1	30
3	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
4	Tin học căn bản	2	30	2	30		
5	Thực hành tin học căn bản	2	60			2	60
6	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	60	4	60		
7	Giáo dục quốc phòng	8	120				
8	Giáo dục thể chất 1	1	30			1	30
	Cộng	16					

8.2 Học kỳ 2

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Những nguyên lý cơ bản của CN-ML2	3	45	3	45		
2	Xác suất thống kê	3	45	2	30	1	30
3	Luật kinh tế	2	30	2	30		
4	Toán kinh tế	3	45	2	30	1	30
5	Kinh tế vi mô	3	45	3	45		
6	Quản trị học căn bản	3	45	2	30	1	30
7	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	60	4	60		
8	Giáo dục thể chất 2	1	30			1	30
	<i>Chọn ít nhất 01 trong các học phần sau:</i>						
	Giao tiếp kinh doanh	2	30	2	30		
	Marketing căn bản	2	30	2	30		
	Thương mại điện tử	2	30	2	30		
	Cộng	23					

8.3 Học kỳ 3

STT	Môn học	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45	2	30	1	30
2	Tư tưởng HCM	2	30	2	30		

3	Kinh tế vĩ mô	3	45	2	30	1	30
4	Nguyên lý kế toán	3	45	2	30	1	30
5	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3	45	3	45		
6	Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	4	60	4	60		
7	Tổ chức công tác kế toán	2	30	2	30		
8	Giáo dục thể chất 3	1	30			1	30
<i>Chọn ít nhất 01 trong các học phần sau:</i>							
9	Kinh tế quốc tế	2	30	2	30		
	Lý thuyết bảo hiểm	2	30	2	30		
	Thanh toán quốc tế	2	30	2	30		
Cộng		22					

8.4 Học kỳ 4

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	3	45		
2	Kinh tế lượng	3	45	2	30	1	30
3	Kế toán tài chính 1	3	45	2	30	1	30
4	Thuế và thực hành khai báo thuế	3	45	2	30	1	30
5	Quản trị tài chính	3	45	2	30	1	30
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	2	30		
Cộng		17					

8.5 Học kỳ 5

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Kế toán tài chính 2	3	45	2	30	1	30
2	Tin học ứng dụng kế toán	3	45	1	15	2	60
3	Đạo đức ngành kế toán	2	30	2	30		
4	Phân tích tài chính	3	45	2	30	1	30
5	Hệ thống thông tin kế toán 1	3	45	2	30	1	30
<i>Chọn ít nhất 01 trong các học phần sau:</i>							
6	Kế toán quốc tế	3	45	2	30	1	30
	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	3	45	2	30	1	30
	Phân tích và thẩm định dự án	3	45	2	30	1	30
	Nghiệp vụ ngoại thương	3	45	2	30	1	30
Cộng		17					

8.6 Học kỳ 6

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Kế toán chi phí	3	45	2	30	1	30
2	Kiểm toán 1	3	45	2	30	1	30
3	Hệ thống thông tin kế toán 2	3	45	1	15	2	60
4	Chuyên đề kế toán	6	90			6	180
<i>Chọn ít nhất 01 trong các học phần sau:</i>							
5	Tài chính doanh nghiệp	3	45	2	30	1	30
	Thị trường tài chính	3	45	2	30	1	30
	Kế toán ngân hàng thương mại	3	45	2	30	1	30
	Kế toán doanh nghiệp dịch vụ	3	45	2	30	1	30
Cộng		18					

8.7 Học kỳ 7

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Kế toán quản trị	3	45	2	30	1	30
2	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	2	30	1	15	1	30
3	Kế toán công	3	30	1	15	1	30
4	Quản trị rủi ro tài chính	3	45	2	30	1	30
<i>Chọn ít nhất 01 trong các học phần sau:</i>							
5	Kế toán xây dựng và dự án đầu tư	3	45	2	30	1	30
	Kiểm toán 2	3	45	2	30	1	30
	Lập mô phỏng kế hoạch tài chính DN	3	45	2	30	1	30
	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	2	30	1	30
Cộng		14					

8.8 Học kỳ 8: Thực tập tốt nghiệp, làm khóa luận:

12 tín chỉ

STT	Hình thức	Tín chỉ
1	Loại hình 1: Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp <i>(được áp dụng đối với những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp)</i>	12

STT	Hình thức	Tín chỉ
2	Loại hình 2: Môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp: (được áp dụng đối với những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp)	
	- Môn học 1 (SV chọn 01 trong những môn tự chọn nếu chưa đủ tín chỉ)	2
	- Môn học 2 (SV chọn 01 trong những môn tự chọn nếu chưa đủ tín chỉ)	2
	- Chuyên đề thực tập tốt nghiệp	8
	<u>Công:</u>	<u>12</u>

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

9.1. Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)

= 30 đôi với học phần thực tập, thực hành

= 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

Một tiết giảng là 50 phút.

9.2. Chương trình ngành Kế toán được thiết kế theo đơn ngành:

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài các học phần bắt buộc, Trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo và chuẩn đầu ra.



Trần Lòng Luận